

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/5/2018.

V/v: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 11/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

1./ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Mỹ Hòa, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2./ Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Mỹ Hòa, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh T sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2011, sau đó được UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2014. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên bất hòa do bất Đ quan

điểm sống, không hòa hợp được từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giữa chị Đ và anh T có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Minh Duy, sinh ngày 17/7/2012. Hiện tại cháu Duy đang sống cùng chị Đ. Ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Theo bản khai và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Minh T trình bày như sau:**

- Về hôn nhân: Anh T Đ ý với lời trình bày của chị Đ về quá trình kết hôn cũng như quá trình anh chị chung sống với nhau. Tuy cuộc sống vợ chồng đôi khi có cự cãi, mâu thuẫn nhưng anh T còn yêu thương gia đình nhiều và không muốn ly hôn nhưng nếu chị Đ nhất định muốn ly hôn với anh thì anh cũng Đ ý, vì thấy rằng không thể hàn gắn được.

- Về con chung: Giữa anh T và chị Đ có 01 người con chung như chị Đ trình bày là đúng. Hiện con đang sống cùng chị Đ. Ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Minh T. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2014, cấp ngày 24/01/2014. Trong quá trình chung sống giữa chị Đ và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất Đ quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Tại phiên tòa hôm nay anh T cũng Đ ý T tình ly hôn, nên HĐXX ghi nhận sự T tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Giữa chị Đ và anh T có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Minh Duy, sinh ngày 17/7/2012, hiện con chung đang sống cùng chị Đ. Tại phiên tòa hôm nay anh T Đ ý giao cháu Duy cho chị Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ cũng Đ ý theo ý kiến của anh T. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay phía các đương sự đều trình bày hiện cháu Duy đang sống cùng chị Đ, từ trước đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T hiện tại thu nhập chủ yếu là từ nghề đi biển và thường xuyên đi biển, không có mặt thường xuyên tại nhà. Do đó việc chăm sóc con chung là không đảm bảo. Do đó Hội Đ xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa T của các đương sự về vấn đề nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 Đ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Ghi nhận sự T tình ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Minh T.

2/. Về con chung : Ghi nhận sự tự nguyện thỏa T của các đương sự. Giao cháu Nguyễn Minh Duy, sinh ngày 17/7/2012 cho chị Trần Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu.

Anh Nguyễn Minh T có quyền đượ c thăm nom , chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

4/. Về nợ chung: Không có nên HĐXX miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 Đ. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009162 ngày 05/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Đ không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An